

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 5 – 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N.**

Địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn Ng.**

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2024 và các lời Ki trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N với ông Huỳnh Văn Ng cưới nhau vào năm 2003; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04-8-2014. Ông, bà sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; ông, bà không còn sống chung với nhau khoảng năm 2016 đến nay và tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ng.

Bà N với ông Ng có hai con chung là Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 29-6-2014 và Huỳnh Tấn A, sinh ngày 16-7-2017. Cháu K hiện nay sống chung với ông Ng, cháu A hiện nay sống chung với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tấn A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con; bà đồng ý giao cháu Huỳnh Tuấn K cho ông Ng tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Đối với bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Ng đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công Ki chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông Ng đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

3. *Ý kiến của con chung:*

Trong biên bản ngày 19-3-2024, Tòa án ghi ý kiến của cháu Huỳnh Tuấn K, thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha là ông Huỳnh Văn Ng.

4. *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và con chung; đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn là bà N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn Ng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp số 42, quyển số 01-2014, thì bà N với ông Ng đã đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền này vào ngày 04-8-2014. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông Ng, Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông Ng đều vắng mặt, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N với ông Ng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà N với ông Ng có hai con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 29-6-2014 và Huỳnh Tấn A, sinh ngày 16-7-2017. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Huỳnh Tấn A; đồng ý cho ông Huỳnh Văn Ng trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Huỳnh Tuấn K.

Xét thấy, ông Ng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N; cháu K có nguyện vọng được sống chung với ông Ng, còn cháu A đang sống chung với bà N, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà N và ông Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung sau này, đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống cho cháu, nên cần giao cháu A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho ông Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về quyền, nghĩa vụ của bà N và ông Ng đối với con chung: Bà N và ông Ng không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; bà N và ông Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông Ng cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, bà N và ông Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà N trình bày không có nợ chung; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Văn Ng.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Huỳnh Tấn A, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A tròn 18 (mười tám) tuổi.

2.2. Giao cháu Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2014 cho ông Huỳnh Văn Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K tròn 18 (mười tám) tuổi.

2.3. Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn Ng có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu A được sống chung với bà N, cháu K sống chung với ông Ng.

2.4. Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng

chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000242 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh